

Bản án số: 55/2022/DS-PT

Ngày: 27-7-2022

V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu P - Thư ký Tòa án nH3 dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nH3 dân tỉnh Nam Định xét xử P1c thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nH3 dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P1c thẩm số 74/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn C; sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm Ch, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:*

1. Ông Mai Thái B; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 15, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Ông Mai Trần H2; sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 158, đường L, phường Tr, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Công Th; sinh năm 1956; địa chỉ: Số 1/3 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Công Th: Ông Mai Văn C (Theo văn bản ủy quyền ngày 26-8-2021).

2. Bà Mai Thị D; sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 3, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Bà Mai Thị P; sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm Ch, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị D và bà Mai Thị P: Ông Mai Văn C (Theo văn bản ủy quyền ngày 12-7-2022)

4. Ông Mai Ngọc P1; sinh năm 1966; địa chỉ: Số 100/17/10A Ng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn P1: Ông Mai Văn C (Theo văn bản ủy quyền ngày 18-10-2021).

5. Ông Mai Đức H3; sinh năm 1968; địa chỉ: TDP số 7 - Thành Nhất, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Đức H3: Ông Mai Văn C (Theo văn bản ủy quyền ngày 26-8-2021)

6. Ông Mai Văn Tr; sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm Ch, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Xóm Ch, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* ông Mai Trần H2 là bị đơn trong vụ án.

(Tại pH5 tòa: Có mặt ông C. Vắng mặt ông B, ông H2, ông Th, ông P1, ông H3, bà P, bà D, ông D, bà L có lý do. Vắng mặt ông Tr không có lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-7-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Mai Văn C trình bày: Cụ Mai Văn T, sinh năm 1934, chết năm 2015 kết hôn với cụ Vũ Thị Sáu, sinh năm 1932, chết năm 2020 sinh được 09 người con gồm: Ông Mai Trần H2; ông Mai Thái B; ông Mai Công Th; bà Mai Thị D; bà Mai Thị P; ông Mai Ngọc P1; ông Mai Đức H3; ông Mai Văn Tr và ông là Mai Văn C. Cụ T, cụ Skhông có con nuôi, con riêng, khi chết đều không để lại di chúc.

Quá trình chung sống cụ T, cụ Scó tạo lập được khối tài sản gồm: Thừa đất tại tờ bản đồ số 25, thửa 33, diện tích 280m² (trong đó: Đất ở 190m², đất vườn 90m²), tại xóm 10 (nay là xóm Ch), xã H1 và một số công trình xây dựng trên đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số W834302, đứng tên hộ cụ Mai Văn T. Năm 2017 ông Mai Văn Tr có xây một ngôi nhà 02 tầng kiên cố phía Nam thửa đất để ở. Sau khi cụ T, cụ Schết, ông là người quản lý và sử dụng khối tài sản trên. Quá trình quản lý ông có sửa sang, tôn tạo các công trình xây dựng trên đất, nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về những tài sản này mà ông đề nghị Tòa án giải quyết pH3 chia quyền sử dụng đất của cụ T, cụ S để lại, ông xin nhận kỷ phần của ông được hưởng và kỷ phần các anh chị em khác cho

ông bằng hiện vật, diện tích đất ông được chia đến đâu nếu trên đó có các công trình xây dựng thì ông xin được sử dụng các công trình đó.

Quá trình tham gia tố tụng ông Mai Thái B là bị đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của ông Mai Trần H2 có lời khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ chết và di sản thừa kế mà cụ T, cụ S để lại. Ông B đề nghị chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 25, thửa 33, diện tích 280m², đứng tên hộ cụ Mai Văn T theo quy định của pháp luật, ông nhường kỹ phần thừa kế mình được hưởng cho ông Mai Văn Tr.

Tại văn bản ngày 03-11-2021 ông H2 trình bày: Hiện gia đình đang tổ chức họp bàn để thống nhất di sản của bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 25, thửa 33, diện tích 280m², quan điểm của ông là chỉ được sử dụng để ở và thờ cúng, không được pH3 chia sang tên hay chuyển nhượng cho ai và do ở xa nên ông xin vắng mặt uỷ quyền cho ông Mai Thái B thay ông đại diện gia đình giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18-11-2021 của ông Mai Văn Tr (do ông Mai Thái B giao nộp cho Tòa án) trình bày: Trên đất ông Tr đã xây dựng một ngôi nhà diện tích 60m² và một sân rộng 30m², đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, ông Tr xin nhận kỹ phần mình được hưởng và kỹ phần các anh chị em cho ông bằng hiện vật, vị trí được hưởng xin nhận ở phần đất phía Nam nơi ông đã xây nhà và do ở xa nên ông Tr xin vắng mặt tại các buổi làm việc và pH5 xét xử của Tòa án, ông ủy quyền cho ông Mai Thái B tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 02-11-2021 bà Mai Thị D và bà Mai Thị P là những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày: Bà D, bà P nhất trí chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ T và cụ S để lại theo quy định của pháp luật, kỹ phần của bà D và bà P được hưởng để lại cho ông Mai Văn C và uỷ quyền cho ông Mai Văn C tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 04-11-2021 ông Mai Công Th, ông Mai Đức H3 là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đề nghị Tòa án pH3 chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật, kỹ phần thừa kế ông Th và ông H3 được hưởng để lại cho ông Mai Văn C.

Tại bản tự khai ngày 04-11-2021 ông Mai Văn P1 là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đề nghị Tòa án pH3 chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật, kỹ phần thừa kế ông được hưởng chia đều cho ông Mai Văn C và ông Mai Văn Tr mỗi người một nửa.

Vợ chồng ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị H5 là những người làm chứng trình bày: Gia đình ông D, bà H5 được bố mẹ cho thừa đất nằm liền kề phía Đông thửa đất hộ cụ T. Trước đây ông Tr là con trai cụ T có xây dựng một phần công trình sang phần đất của gia đình ông bà được Nhà nước cấp GCNQSDĐ, tuy nH5 khi xây dựng nhà vợ chồng ông bà và ông Tr có sự thỏa thuận thống nhất, vì vậy nay Tòa án giải quyết vụ án chia di sản thừa kế của cụ T, thì ông bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết phần ông Tr xây dựng sang đất của ông bà, đề nghị Tòa án xem xét, pH3 chia di sản thừa kế của cụ T, cụ S để lại theo đúng ranh giới được thể hiện

trên hồ sơ địa chính và theo số liệu đã được cấp GCNQSDĐ đúng tên hộ cụ Mai Văn T tại tờ bản đồ số 25, thửa 33, diện tích 280m². Ông D, bà H5 nhất trí xác định mốc giới khi Công ty Ân khánh tiến hành thẩm định đo đạc để giải quyết vụ án, không có ý kiến gì.

Từ nội D trên, bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nH3 dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); Điều 66 Luật Hôn nH3 và gia đình năm 2014; các Điều 26, 184, 185, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn C;
2. Chia di sản thừa kế và chia quyền sử dụng đất như sau:

Chia cho ông Mai Văn C được quyền sử dụng phần đất diện tích S1 = 171 m² (trong đó: Đất ở 115 m², đất vườn 56m²), có giá trị là 136.800.000đồng, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,12,8',1); có cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông Bá và hộ ông Phiếm dài 11,5m; cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Phiếm và hộ ông D dài (4,0m + 2,2m + 2,8m + 12,1m + 3,7m + 7,4m); cạnh phía Nam giáp phần đất ông Mai Văn Tr được chia dài 12,5m; cạnh phía Tây giáp đường bê tông dài 13,5m;

Chia cho ông Mai Văn Tr được quyền sử dụng phần đất diện tích S2 = 109m² (trong đó: Đất ở 74m², đất vườn 35m²), được giới hạn bởi các điểm (8,9,10,11,12,8',8), có cạnh phía Bắc giáp phần đất ông Mai Văn C được chia dài 12,5m; cạnh phía Đông giáp đất hộ ông D dài (4,7m + 3,7m + 5,5m); cạnh phía Nam dài 4,5m; cạnh phía Tây dài 13,2m (có sơ đồ kèm theo);

Ông Mai Văn Tr có nghĩa vụ thanh toán cho ông Mai Trần H2 số tiền 24.888.000 đồng chênh lệch chia di sản thừa kế.

Các đương sự có nghĩa vụ L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất của mình để được cấp GCNQSDĐ theo quyết định của bản án.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09-5-2022 ông Mai Trần H2 là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội D: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì theo pháp luật là đúng, nhưng về lương tâm chưa thật bảo vệ lợi ích của gia đình ông, mẹ ông mới mất, anh chị em dự định xong tang sẽ tổ chức họp và trao quyền cho các em theo lời bố mẹ dặn là đất hương hoá “Nhường cho 02 em út ở”, không sang tên đổi chủ cho ai. Bản án sơ thẩm chia thừa kế là không đúng với nguyện vọng của bố mẹ ông.

Tại pH5 toà P1c thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án,

Người kháng cáo có đơn xin vắng mặt, xin giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị giữ lại đất hương hỏa, không pH3 chia tài sản đất đai mà nhường cho các em được ở theo nguyện vọng của bố mẹ đã dặn lại trước khi mất.

Đại diện Viện kiểm sát nH3 dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS. Về nội D: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H2 vì ông H2 không xuất trình được chứng cứ chứng minh người để lại di sản có quan điểm về việc dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng, nếu có di chúc bằng miệng như nội D ông H2 trình bày thì cũng không hợp pháp vì không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Ông C là một trong những người thừa kế có quyền yêu cầu khởi kiện chia thừa kế ngay sau khi người để lại di sản đã chết, không có quy định nào về việc phải hết tang mới được khởi kiện chia thừa kế, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi ngH5 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH5 toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH5 toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Mai Trần H2 kháng cáo, ông Mai Thái B là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan khác đã uỷ quyền hợp lệ cho ông Mai Văn C, ông Mai Văn Tr hiện đi làm ăn xa, tại cấp sơ thẩm chỉ gửi bản tự khai thông qua ông B và vắng mặt suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án. Toà án cấp P1c thẩm đã báo gọi và làm đầy đủ thủ tục niêm yết hợp lệ 2 lần đối với ông Tr. Xét việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng tới việc xem xét nội D kháng cáo của ông H2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 BLTTDS.

[2] Xét nội D kháng cáo của ông Mai Trần H2 thấy rằng: Ông H2 không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc người để lại di sản dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng, trường hợp nếu có di chúc bằng miệng “toàn bộ di sản làm nơi thờ cúng, chỉ cho ở sử dụng, không chia thừa kế, không sang tên đổi chủ” như ông H2 trình bày đi nữa thì cũng không được chấp nhận vì không phù hợp với pháp luật, không được coi là di chúc hợp pháp vì không tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 629 và khoản 5 Điều 630 BLDS.

[3] Ông Mai Văn C là một trong những người thừa kế của cụ T, cụ S được quyền yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đến Toà án ngay sau khi người để lại di sản chết theo quy định tại khoản 1 Điều 623 và khoản 1 Điều 611 BLDS, H2n toàn không có quy định của pháp luật nào về việc phải sau khi hết tang mới được khởi kiện. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đơn khởi kiện chia thừa kế của ông Mai Văn C là đúng quy định của pháp luật, trong đơn kháng cáo chính ông H2 cũng thừa nhận về lý là H2n toàn đúng, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H2.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã xác định diện và hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Mai Văn T và cụ Vũ Thị Sđể lại và pH3 chia di sản thừa kế phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần giữ nguyên. Tuy nH5 đề thuận lợi hơn cho các đương sự khi xin cấp GCNQSDĐ theo quyết định của Bản án, cần bổ sung việc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ cũ cấp cho hộ cụ T (đã chết).

[5] Về án phí: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự P1c thẩm, tuy nH5 ông Mai Trần H2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên miễn nộp án phí dân sự P1c thẩm cho ông H2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Trần H2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ số W 834302 ngày 28-6-2004 cấp cho hộ ông Mai Văn T và cấp GCNQSDĐ cho các đương sự theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Miễn án phí dân sự P1c thẩm cho ông Mai Trần H2;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án P1c thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH5 TÒA

Vũ Thị Thu Vũ Hà Nam

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND+VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1C THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH5 TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết